CPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision

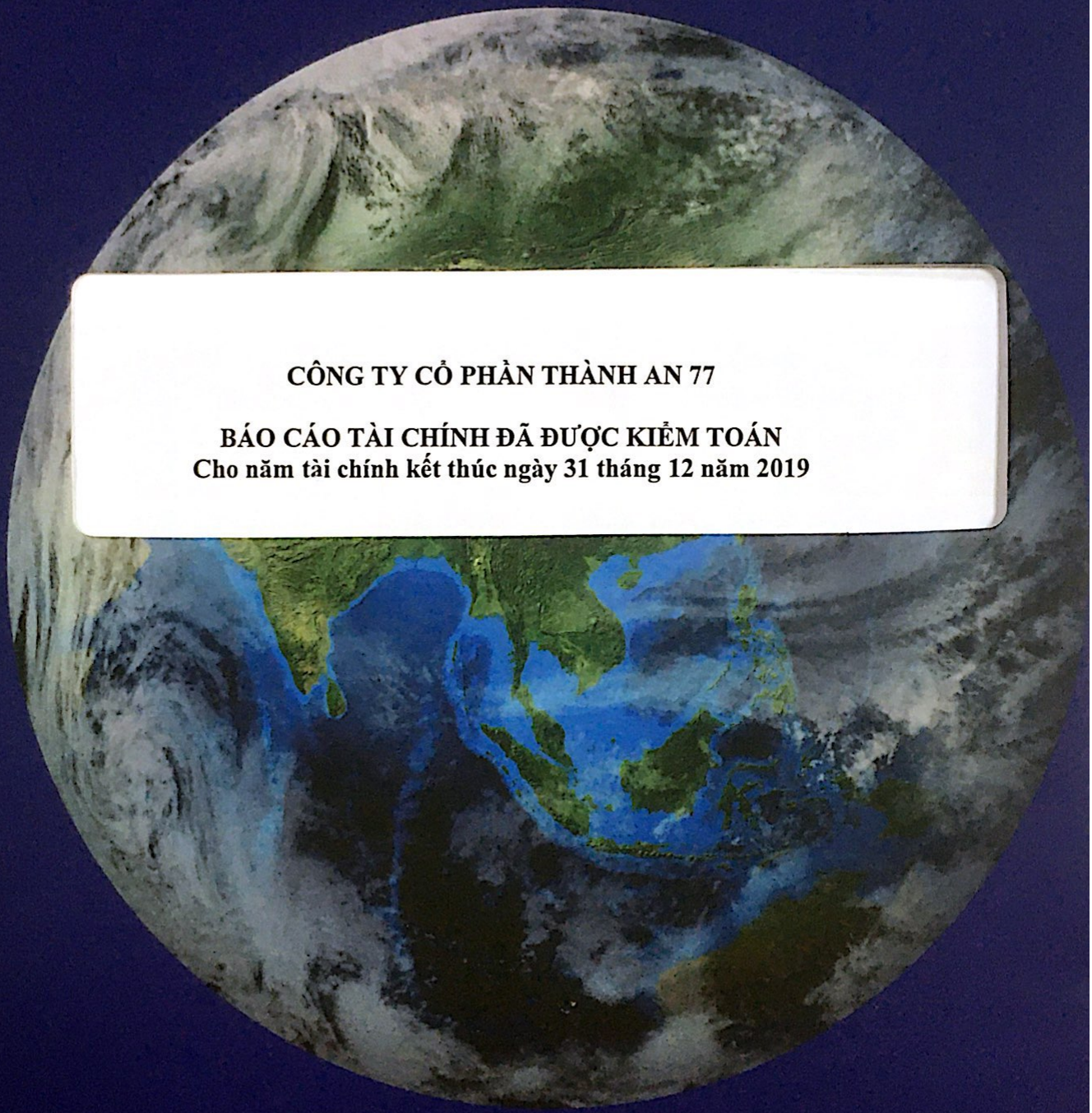

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

A member of MOORE *Members in principal cities throughout the world*

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thành An 77 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77.,JSC

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 13.409.000.000 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng)

Trụ sở đăng ký của Công ty: Thôn Đồng Mười, Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Bùi Thị Nguyên Hạnh	Chủ tịch HĐQT
Vũ Tiến Nghĩa	Thành viên
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Nguyễn Đình Công	Thành viên
Lê Thị Lan Hòa	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Nguyễn Đình Công	Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính . Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0700100257 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH AN 77 - HUYỆN KIM BẢNG - TỈNH HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Công

Nguyễn Đình Công
Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Scanned with CamScanner

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 275/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Thành An 77

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thành An 77

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thành An 77, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham dự chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 do chúng tôi được bổ nhiệm là Kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không giúp chúng tôi thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện nhập xuất hàng tồn kho. Tuy nhiên, phương pháp tính giá trị xuất kho vật tư của Công ty từ năm 2016 chưa phù hợp nên giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 01/01/2016 không phản ánh hợp lý và ảnh hưởng đến thời điểm 31/12/2019, với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng có thể làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

A member of MOORE *Members in principal cities throughout the world*

Scanned with CamScanner

Công ty đang thực hiện đàm phán với các ngân hàng về việc cơ cấu lại các khoản vay, trong đó bao gồm việc giảm và xóa một phần lãi vay. Theo đó, Công ty không thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay hàng năm vào kết quả kinh doanh. Tới thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được văn bản chính thức nào từ phía ngân hàng về vấn đề này. Theo ước tính của Kiểm toán viên, chi phí lãi vay cần ghi nhận lũy kế đến 31/12/2018 là 33.429.083.028 đồng, chi phí lãi vay năm 2019 là 10.444.548.758 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh Hoạt động liên tục tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2019, công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 9,66 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu gần 14 lần, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 149 tỷ đồng ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu giúp Công ty tiếp tục hoạt động.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Vũ Ngọc Án	**Nguyễn Ngọc Khánh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

Giấy ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Scanned with CamScanner

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.735.074.054**	**7.137.794.764**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**144.534.897**	**334.283.316**
1. Tiền	111		144.534.897	334.283.316
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**946.079.187**	**2.158.781.478**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.121.034.544	8.967.559.344
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		373.516.192	388.516.192
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.841.947.470	6.841.947.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(15.390.419.019)	(14.039.241.528)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**4.644.459.970**	**4.644.459.970**
1. Hàng tồn kho	141	5.5	4.644.459.970	4.644.459.970
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**270.000**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	270.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**34.624.089.208**	**44.303.884.369**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**61.950.000**	**61.950.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	1.619.387.931	1.619.387.931
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	61.950.000	61.950.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(1.619.387.931)	(1.619.387.931)
II. Tài sản cố định	**220**		**34.556.357.175**	**43.390.338.877**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	34.550.748.448	43.380.730.154
- Nguyên giá	*222*		*153.866.363.455*	*153.019.778.603*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(119.315.615.007)*	*(109.639.048.449)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.608.727	9.608.723
- Nguyên giá	*228*		*367.987.883*	*367.987.883*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(362.379.156)*	*(358.379.160)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**841.584.852**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	841.584.852
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.782.033**	**10.010.640**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.782.033	10.010.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**40.359.163.262**	**51.441.679.133**

Scanned with CamScanner

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**208.483.368.929**	**209.905.264.277**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**154.724.921.513**	**156.146.816.861**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	11.912.149.067	11.927.149.067
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	3.695.607.962	3.737.734.140
4.	Phải trả người lao động	314		152.756.477	152.756.477
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	2.962.773.483	2.915.271.483
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	89.538.646.486	89.235.356.486
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	46.462.988.038	48.178.549.208
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**53.758.447.416**	**53.758.447.416**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	53.758.447.416	53.758.447.416
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**(168.124.205.667)**	**(158.463.585.144)**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.13**	**(168.067.040.619)**	**(158.406.420.096)**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.408.773.482	13.408.773.482
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*13.408.773.482*	*13.408.773.482*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		557.613.600	557.613.600
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(182.033.427.701)	(172.372.807.178)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(172.372.807.178)*	*(162.731.167.133)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(9.660.620.523)*	*(9.641.640.045)*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**(57.165.048)**	**(57.165.048)**
1.	Nguồn kinh phí	432		(57.165.048)	(57.165.048)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**40.359.163.262**	**51.441.679.133**

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

Scanned with CamScanner

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	1.869.121.000	1.973.505.642
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	1.869.121.000	1.973.505.642
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	9.669.890.364	9.755.885.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**(7.800.769.364)**	**(7.782.380.285)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	182.240	565.558
7. Chi phí tài chính	22	5.17	47.502.000	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*47.502.000*	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	1.596.934.742	1.561.365.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(9.445.023.866)**	**(9.343.179.816)**
11. Thu nhập khác	31		-	27.272.728
12. Chi phí khác	32	5.19	215.596.657	325.732.957
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**		**(215.596.657)**	**(298.460.229)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	**50**		**(9.660.620.523)**	**(9.641.640.045)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**(9.660.620.523)**	**(9.641.640.045)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(7.204,70)	(7.190,55)

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

Scanned with CamScanner

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		1.902.557.900	2.258.585.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(76.518.500)	(251.409.045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.200.000)	(16.200.000)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		303.290.000	931.886.659
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(582.498.889)	(811.053.302)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.530.630.511**	**2.111.809.584**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(5.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		182.240	565.558
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(4.817.760)**	**565.558**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		137.500.000	864.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.853.061.170)	(2.854.488.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(1.715.561.170)**	**(1.990.488.877)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(189.748.419)**	**121.886.265**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	334.283.316	212.397.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**5.1**	**144.534.897**	**334.283.316**

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thành An 77 (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ xí nghiệp Xi măng 77 theo quyết định số 153/2004/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2004 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700100257, đăng ký lần đầu ngày 05/03/2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Thanh An 77 Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: THANH AN 77.,JSC

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 13.409.000.000 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu đồng), vốn thực góp là 13.408.773.482 đồng.

Trụ sở đăng ký của Công ty tại: Thôn Đồng Mười, Xã Liên Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng); bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cho thuê dây chuyền sản xuất và nhà xưởng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản vô hình là Hệ thống phần mềm.

b. Phương pháp khấu hao

Trong năm 2019, tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

TSCĐ vô hình là hệ thống phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt nam.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các Công ty con, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2019, công ty đã ngừng các hoạt động chính, giảm phần lớn số lượng lao động, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 9,66 tỷ đồng, lỗ lũy kế vượt quá vốn chủ sở hữu gần 14 lần, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 149 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến khả năng thanh toán của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động của Công ty. Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban giám đốc tin tưởng vào các kế hoạch tái cơ cấu được trình bày dưới đây tiếp tục giúp công ty hoạt động. Cụ thể:

Tháng 2/2017, Cổ đông Nhà nước chiếm tỷ lệ sở hữu 51% đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của mình cho cổ đông mới là Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam, một doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xi măng.

Tới thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Fujisan Việt Nam đã tiếp quản tư cách cổ đông của Tổng Công ty Thành An và đang thực hiện các hoạt động tái cơ cấu đối với Công ty Cổ phần Thành An 77.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	142.054.432	330.900.821
Tiền gửi ngân hàng	2.480.465	3.382.495
Tổng	**144.534.897**	**334.283.316**

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**9.121.034.544**	**8.967.559.344**
Cửa hàng VLXD Xuân Lương	1.358.429.000	1.358.429.000
Đào Xuân Hiếu - TT62	1.127.481.520	1.127.481.520
Nguyễn Đình Thuận - TT63	863.873.000	863.873.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	5.771.251.024	5.617.775.824
Trong đó, phải thu bên liên quan		
XN Xây dựng 51 - Cty CP ĐT&XL Thành An 665	1.965.800.000	1.965.800.000
Dài hạn	**1.619.387.931**	**1.619.387.931**
Đầu hàng đ/c Lộc - TT63	624.097.258	624.097.258
CN Cty TNHH TM&XD Bắc TL tại Hà Nam	39.342.000	39.342.000
Đầu hàng đ/c Sơn - TT63	512.613.198	512.613.198
Khách hàng khác	443.335.475	443.335.475
Tổng	**10.740.422.475**	**10.586.947.275**

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**6.841.947.470**	**4.948.383.989**	**6.841.947.470**	**4.948.383.989**
Tạm ứng	1.246.529.653	1.115.946.499	1.246.529.653	1.115.946.499
Nguyễn Bá Uyển	3.730.682.153	2.611.477.507	3.730.682.153	2.611.477.507
Các khoản khác	1.864.735.664	1.220.959.983	1.864.735.664	1.220.959.983
Dài hạn	**61.950.000**	-	**61.950.000**	-
Ký quỹ, ký cược	61.950.000	-	61.950.000	-
Tổng	**6.903.897.470**	**4.948.383.989**	**6.903.897.470**	**4.948.383.989**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.4 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	17.028.052.102	18.245.152	16.831.964.016	1.173.334.557

Trong đó:

	Quá hạn 6 tháng-01 năm	Quá hạn từ 1 - 2 năm	Quá hạn từ 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	-	-	8.967.559.344
Phải thu khác	-	-	-	6.441.104.827
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	1.619.387.931

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.368.326.170	-	4.368.326.170	-
Thành phẩm	276.133.800	-	276.133.800	-
Tổng	**4.644.459.970**	**-**	**4.644.459.970**	**-**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	**50.461.643.480**	**100.280.474.481**	**2.021.179.575**	**256.481.067**	**153.019.778.603**
Tăng trong năm	**846.584.852**	-	-	-	**846.584.852**
Xây dựng hoàn thành	846.584.852	-	-	-	846.584.852
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	**51.308.228.332**	**100.280.474.481**	**2.021.179.575**	**256.481.067**	**153.866.363.455**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	**35.716.346.851**	**71.656.933.558**	**2.021.179.575**	**244.588.465**	**109.639.048.449**
Tăng trong năm	**2.788.687.824**	**6.881.202.540**	-	**6.676.194**	**9.676.566.558**
Khấu hao trong năm	2.788.687.824	6.881.202.540	-	6.676.194	9.676.566.558
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	**38.505.034.675**	**78.538.136.098**	**2.021.179.575**	**251.264.659**	**119.315.615.007**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	**14.745.296.629**	**28.623.540.923**	-	**11.892.602**	**43.380.730.154**
Tại 31/12/2019	**12.803.193.657**	**21.742.338.383**	-	**5.216.408**	**34.550.748.448**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.372.689.847 đồng.
Phần lớn TSCĐ của Công ty đã được mang đi cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	**40.000.000**	**327.987.883**	**367.987.883**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	**40.000.000**	**327.987.883**	**367.987.883**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	**40.000.000**	**318.379.160**	**358.379.160**
Tăng trong năm	-	**3.999.996**	-
Khấu hao trong năm	-	3.999.996	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	**40.000.000**	**322.379.156**	**362.379.156**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	-	**5.608.727**	**9.608.723**
Tại 31/12/2019	-	**9.608.723**	**5.608.727**

5.8 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**11.912.149.067**	-	**11.927.149.067**	-
Công ty TNHH Trường Hải	73.388.100	-	73.388.100	-
LILAMA Ninh Bình	1.668.805.689	-	1.668.805.689	-
Công ty KS&TM Hà Tĩnh	1.501.720.700	-	1.501.720.700	-
Công ty CP Than Sông	1.110.027.560	-	1.110.027.560	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.558.207.018	-	7.573.207.018	-
Tổng	**11.912.149.067**		**11.927.149.067**	

Khả năng trả nợ của Công ty tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu cũng như việc tái cơ cấu trong thời gian tới.

Scanned with CamScanner

5.9 Thuế và các khoản phải trả nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
Phải nộp	**3.737.734.140**	**477.782.711**	**519.908.889**	**3.695.607.962**
Thuế giá trị gia tăng	1.599.867.707	180.538.054	375.930.889	1.404.474.872
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
Thuế tài nguyên	-	2.025.000	1.765.000	260.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	137.413.000	137.413.000	-
Thuế khác	2.136.066.433	156.006.657	3.000.000	2.289.073.090
Phải thu	**270.000**	**270.000**	-	-
Thuế tài nguyên	270.000	270.000	-	-

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**2.962.773.483**	**2.915.271.483**
Khoản tiền quân trang	7.645.272	7.645.272
Chi phí sản xuất đá thành phẩm (1x2) đội đá	83.928.112	83.928.112
Tiền lương nghỉ phép, lễ phép trích trước (các năm)	1.396.097.013	1.396.097.013
Lãi vay phải trả cá nhân	902.033.165	854.531.165
Chi bảo hiểm lao động các năm	573.069.921	573.069.921
Tổng	**2.962.773.483**	**2.915.271.483**

5.11 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**89.538.646.486**	**89.235.356.486**
Kinh phí công đoàn	172.419.117	172.419.117
Bảo hiểm xã hội	209.978.780	209.978.780
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	89.156.248.589	88.852.958.589
Ngân hàng Đầu tư & PT Hà Nam	*43.067.096.159*	*43.067.096.159*
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	*40.743.811.395*	*40.743.811.395*
Các khoản phải trả khác	*5.345.341.035*	*5.042.051.035*
Tổng	**89.538.646.486**	**89.235.356.486**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả	**46.462.988.038**	-	**137.500.000**	**1.853.061.170**	**48.178.549.208**	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	44.244.034.555	-	-	1.853.061.170	46.097.095.725	-
Vay cá nhân	1.502.453.483	-	-	-	1.502.453.483	-
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	716.500.000	-	137.500.000	-	579.000.000	-
Vay dài hạn	**53.758.447.416**		-	-	**53.758.447.416**	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	53.758.447.416	-	-	-	53.758.447.416	-
Tổng	**100.221.435.454**		**137.500.000**	**1.853.061.170**	**101.936.996.624**	

Khả năng trả nợ các khoản vay tùy thuộc vào khả năng thu hồi các khoản công nợ cũng như việc tái cơ cấu của cổ đông mới.

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(162.731.167.133)**	**(148.764.780.051)**
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(9.641.640.045)	(9.641.640.045)
Số dư tại 31/12/2018	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(172.372.807.178)**	**(158.406.420.096)**
Số dư tại 01/01/2019	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(172.372.807.178)**	**(158.406.420.096)**
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	(9.660.620.523)	(9.660.620.523)
Số dư tại 31/12/2019	**13.408.773.482**	**557.613.600**	**(182.033.427.701)**	**(168.067.040.619)**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần FUJISAN Việt Nam	6.831.580.000	6.831.580.000
Vốn của Cổ đông khác	6.577.193.482	6.577.193.482
Tổng	**13.408.773.482**	**13.408.773.482**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	13.408.773.482	13.408.773.482
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.14 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.869.121.000	1.973.505.642
Tổng	**1.869.121.000**	**1.973.505.642**

5.15 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.669.890.364	9.755.885.927
Tổng	**9.669.890.364**	**9.755.885.927**

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.240	565.558
Tổng	**182.240**	**565.558**

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	47.502.000	-
Tổng	**47.502.000**	**-**

5.18 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý	**1.596.934.742**	**1.561.365.089**
Chi phí nhân viên quản lý	18.000.000	18.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	-	31.997.960
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.676.190	18.248.664
Thuế phí và lệ phí	6.547.428	4.973.835
Chi phí dự phòng	1.351.177.491	1.315.155.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.976.179	18.181.824
Chi phí bằng tiền khác	207.557.454	154.806.864
Tổng	**1.596.934.742**	**1.561.365.089**

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Nhượng bán, thanh lý tài sản, công cụ	-	27.272.728
Tổng	-	**27.272.728**
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản, công cụ	-	93.412.181
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	215.596.657	-
Chi phí khác	-	232.320.776
Tổng	**215.596.657**	**325.732.957**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**(215.596.657)**	**(298.460.229)**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nguyễn Đình Công

Scanned with CamScanner

CPA VIETNAM

A member of MOORE *Members in principal cities throughout the world*

Moore Global Network Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.
A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:
150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.
Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637
www.moore-global.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Global Network Limited and managed by Moore Asia Pacific (MSAP).
Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.
Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122
www.cpavietnam.vn

Scanned with CamScanner